

## PHẬT GIÁO Ở HUẾ DƯỚI THỜI CHÚA NGUYỄN

Lê Bình Phương Luân

Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học Huế

Email: lbpluan@gmail.com

### TÓM TẮT

*Để vỗ về và thu phục nhân tâm, Nguyễn Hoàng đã chọn Phật giáo làm chỗ dựa tinh thần cho xã hội Đàng Trong. Dưới sự độ trì của các chúa Nguyễn, Phật giáo Đàng Trong từng bước phát triển rực rỡ. Sự phát triển của Phật giáo đã tác động trở lại đối với chính sách cai trị của các chúa. Tinh thần Phật giáo trở thành một trong những tiền đề quan trọng để các chúa Nguyễn trị quốc, an dân và thực hiện thành công công cuộc mở mang bờ cõi. Dưới thời chúa Nguyễn, Huế trở thành một trong những trung tâm Phật giáo Đàng Trong và Phật giáo Việt Nam cùng hệ thống chùa chiền tốt, với tăng đoàn có trình độ cao, cư sĩ tín đồ đông đảo.*

*Từ khóa:* Chúa Nguyễn, Đàng Trong, Phật giáo ở Huế.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Với nhiều nhà nghiên cứu, Phật giáo ở Huế có một vị trí và vai trò quan trọng trong lịch sử phát triển của Phật giáo Việt Nam. Dưới thời các chúa Nguyễn, Huế dần dần trở thành một trong những trung tâm của Phật giáo Đàng Trong nói riêng và của Phật giáo Việt Nam nói chung. Sự phát triển và hưng thịnh của Phật giáo ở Huế thời kỳ này ghi nhận công lao đóng góp to lớn của các chúa Nguyễn. Vậy, hoàn cảnh lịch sử nào đã tạo điều kiện, tiền đề cho sự phát triển của Phật giáo ở Huế? Vai trò của các chúa Nguyễn đối với sự chấn hưng và phát triển của Phật giáo như thế nào? Sự ảnh hưởng của Phật giáo đối với chính sách cai trị của các chúa Nguyễn trong sự phát triển kinh tế - chính trị - xã hội ở Đàng Trong?...

### 2. NỘI DUNG

#### 2.1. Nguyễn Hoàng – người đặt nền móng cho sự phát triển của Phật giáo ở Đàng Trong

Năm 1558, Nguyễn Hoàng xin vào trấn thủ xứ Thuận Hóa theo lời khuyên của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Bằng tài năng của mình, ông đã từng bước ổn định đời sống dân cư, đem lại sự phát triển, thịnh vượng cho vùng đất này. Sau khi vua Lê Thế Tông băng hà, năm 1600, Nguyễn Hoàng quay lại Thuận Hóa với ý đồ ly khai với vua Lê - chúa Trịnh, xây dựng một cơ nghiệp riêng cho dòng họ Nguyễn. Lúc đó, lãnh thổ của chúa Nguyễn Hoàng chỉ là một dải đất hẹp kéo dài từ phía nam đèo Ngang đến đèo Cù Mông (Bình Định). Cùng với việc xây dựng, phát triển kinh tế, tiến hành công cuộc mở mang lãnh thổ về phía Nam, Chúa Tiên

Nguyễn Hoàng còn chú trọng xây dựng chỗ dựa tinh thần mới phù hợp với cư dân vùng đất này. Chúa Tiên đã lựa chọn Phật giáo. Sự lựa chọn này không phải là ngẫu nhiên, có thể xuất phát từ những lý do sau:

*Thứ nhất*, với việc xây dựng Đàng Trong như một vương triều mới đối lập với chính quyền Đàng Ngoài, buộc Nguyễn Hoàng không thể lấy Nho giáo với tư tưởng “trung quân” làm bệ đỡ tinh thần cho chính quyền của mình vì “những khẳng định cơ bản của Khổng giáo trực tiếp mâu thuẫn với vị trí của họ Nguyễn bị coi là một chế độ ly khai và nổi loạn đối với triều đình”, trong khi đó, Phật giáo với tư tưởng phóng khoáng “không đặt lại vấn đề về tính hợp pháp của những người cai trị” [2, tr. 194].

Mặt khác, việc lấy Phật giáo làm nền tảng tinh thần cho xã hội không phải là cái mới trong lịch sử của dân tộc. Xã hội Việt Nam dưới triều đại Lý – Trần cũng dựa trên cơ sở của Phật giáo. Phật giáo thời kỳ đó trở thành quốc giáo và được chính quyền hộ trì. Dưới triều Lý, nhiều thiền sư giữ những vị trí quan trọng trong bộ máy chính quyền. Ở nhà Trần, nhiều vị vua còn là những thiền sư tên tuổi, có những đóng góp to lớn cho sự phát triển của Phật giáo Việt Nam như Phật Hoàng Trần Nhân Tông. Đây cũng là thời kỳ nền độc lập dân tộc được giữ vững, khẳng định, ý thức tự lực tự cường lên cao, đời sống xã hội ổn định, kinh tế phát triển. Những triều đại này lấy Phật giáo làm nền tảng, nhưng vẫn sử dụng Nho giáo để xây dựng, củng cố bộ máy chính quyền. Với lại khi chọn vùng đất này lập cơ nghiệp, chúa Nguyễn Hoàng không thể không nghĩ đến “cơ duyên” với tiền nhân là vua Trần Nhân Tông, người đã mang vùng đất này về cho Đại Việt.

*Thứ hai*, tầng lớp di dân người Việt vào vùng đất mới chủ yếu là những người nông dân nghèo khổ. Trên vùng đất mới với nhiều khó khăn, nguy hiểm, cái họ cần là những gì thiết thực, giản dị, gần gũi cho cuộc sống, chứ không phải là những giáo lý cao siêu và Phật giáo đã đáp ứng được nhu cầu này. Mặt khác, Phật giáo từ lâu đã là tôn giáo truyền thống của người dân Đại Việt và với những tầng lớp di dân vào Đàng Trong cũng vậy. Trong tâm thức của người Việt khi đến định cư một vùng đất mới, sau khi đã ổn định chỗ ở là xây đình, dựng chùa. Đình, chùa làng là những yếu tố gợi nhắc về cội nguồn, là chỗ dựa, là nơi sinh hoạt tinh thần, gắn kết quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng. Như lời nhận xét của nhà nghiên cứu Nguyễn Khắc Thuần: “Lực lượng khẩn hoang đông đảo nhất chính là những người nông dân nghèo khổ. Họ không có điều kiện để cho con em tới trường, và với số ít ỏi có điều kiện thì đạo thánh hiền mà Nho gia rất mực tôn kính, trong họ cũng đã dần dần bớt thiêng. Họ tìm đến những gì phù hợp hơn, thiết thực vỗ về và an ủi họ khi đối mặt với vùng đất mới bao la và dữ dội. Họ cần trước hết là những bài học về đức làm người, cụ thể, giản dị và sinh động chứ không phải là (bởi vì cũng khó có thể là) sự nghiền ngẫm thiên kinh vạn quyển với vô số những triết lý cao siêu. Và, Phật giáo với đội ngũ các nhà tu hành giàu nhiệt huyết nhập thế một cách tích cực đã mau chóng đáp ứng được điều này.” [7, tr. 156]. Do đó, hộ trì Phật pháp sẽ giúp Nguyễn Hoàng thu phục nhân tâm của người dân trên vùng đất này.

*Thứ ba*, ở Đàng Trong, Phật giáo không phải là tôn giáo xa lạ với cư dân bản địa, trong khi đó với Nho giáo thì hoàn toàn khác. Trong thời kỳ đầu, những cộng đồng dân cư Chăm - Việt là tồn tại khá phổ biến. Những cư dân Việt sinh sống hòa lẫn với người Chăm. Sự tương đồng, gần gũi về văn hóa, tín ngưỡng sẽ là yếu tố rất quan trọng để cùng nhau tồn tại, sinh sống. Ngoài ra, trên vùng đất này, để trốn tránh những biến động chính trị ở quê hương, nhiều cộng đồng người Hoa đã di cư đến đây sinh sống. Cùng với họ là những yếu tố văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, trong đó có sự hiện diện của Phật giáo Trung Quốc. Do đó, việc lựa chọn Phật giáo với tư tưởng phóng khoáng, bao dung trở thành yếu tố có khả năng cố kết cộng đồng dân cư Chăm - Việt, đồng thời là phương tiện để dung nạp các hệ tư tưởng và văn hóa mới.

## 2.2. Các chúa Nguyễn với sự phát triển Phật giáo

Sau khi chọn Phật giáo làm chỗ dựa tinh thần cho xứ Đàng Trong, Nguyễn Hoàng bắt đầu những việc làm ủng hộ Phật giáo. Năm 1601, ông cho dựng lại chùa Thiên Mụ. Năm sau, chúa lại đến chùa Thiên Mụ lập trai đàn và làm lễ bố thí. Cũng trong năm này, ông cho dựng chùa Sùng Hóa ở xã Triêm Ân, huyện Phú Vang. Năm 1607 cho lập chùa Bảo Châu ở Trà Kiệu, Quảng Nam. Năm 1609, lập chùa Kính Thiên ở Quảng Bình. Những sự kiện này chỉ diễn ra sau 40 năm, kể từ lần đầu tiên ông vào nhậm chức ở Thuận Hóa (1558) và chỉ sau khi quay trở lại vào năm 1600 với ý đồ xây dựng cơ nghiệp riêng cho dòng họ Nguyễn [3, tr. 181]. Điều này cho thấy việc làm của Chúa Tiên cho Phật giáo có thể xuất phát từ động cơ chính trị, nhưng đó là một sách lược khôn ngoan và sáng suốt để thu phục nhân tâm, bình ổn xã hội.

Tiếp tục chính sách tôn giáo của Chúa Tiên, các đời chúa Nguyễn sau này đều ủng hộ Phật giáo. Có lẽ, điều khác biệt là ở chỗ: nếu Nguyễn Hoàng làm điều đó xuất phát từ mục đích chính trị, thì các chúa Nguyễn sau này thật sự là những người mộ đạo Phật, hộ trì Phật pháp bằng cái tâm của một Phật tử thuần thành. Nếu Nguyễn Hoàng được gọi là chúa Tiên, còn mang âm hưởng của Đạo giáo, thì nhiều chúa Nguyễn sau này lại mang những tên rất Phật. Chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635), người kế vị chúa Tiên, có tên gọi là chúa Sãi. Chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) mang đạo hiệu là Thiên Túng Đạo nhân, con của ông là chúa Nguyễn Phúc Thụ (1725-1738) tự đặt cho mình là Vân Truyền Đạo nhân, cháu của ông, chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765) cũng có tự hiệu là Từ Tế Đạo nhân. Tất cả đều là những Phật tử thuần thành.

Sau khi Nguyễn Hoàng mất, con là Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635) lên nối nghiệp, còn gọi là chúa Sãi. Chúa đã nâng cao địa vị chùa Thiên Mụ qua việc biến chùa thành nơi thờ cha mẹ tổ tiên mình. Dưới thời chúa Sãi, người ta thường nhắc đến một nhân tài quân sự, chính trị, đồng thời là một người mộ đạo Phật - Đào Duy Từ (1572-1634). Ông là người đầu tiên sáng tác những điệu khúc múa ca Phật giáo, tạo nền tảng cho lễ nhạc Phật giáo Huế còn lưu truyền cho đến ngày nay.

Kế tục sự nghiệp của cha ông, chúa Nguyễn Phúc Lan (1635-1648) thật sự là người có thiên hướng tín ngưỡng Phật giáo và tạo điều kiện cho Phật giáo ở Thuận Hóa phát triển. Thời

kỳ này, xuất hiện nhiều vị thiền sư Trung Quốc nổi tiếng như Viên Cảnh, Viên Khoan đến Thuận Hóa truyền giáo.

Dưới thời chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687), Phật giáo Thuận Hóa nói chung và Phật giáo Huế nói riêng đã phát triển mạnh mẽ nhờ những đợt truyền bá và hoàng hóa của các thiền sư Trung Quốc, cũng như các thiền sư Việt Nam. Chúa Nguyễn Phúc Tần không chỉ cho tu sửa những chùa lớn như Thiên Mục, Hà Trung, Kim Long, mà nhiều chùa làng cũng được làm mới như chùa Thanh Phước, Thủ Lễ, La Chử. Chùa Vĩnh Ân (tức chùa Quốc Ân) do chính chúa Nguyễn Phúc Tần cấp đất cho Tổ Nguyên Thiều khai sơn ở Huế, bắt đầu của phái Thiền Lâm Tế đời thứ nhất ở Huế.

Sau chúa Nguyễn Phúc Tần, chúa Nguyễn Phúc Trăn (1687-1691) cũng là người có nhiệt tâm với đạo Phật. Tuy ở ngôi vương trong một thời gian ngắn, ông đã nhiều lần cho người sang Trung Quốc thỉnh mời các vị cao tăng sang Đàng Trong hoàng dương Phật pháp, nhưng vẫn chưa có được cơ duyên. Ý nguyện của ông đã được chính con ông là chúa Nguyễn Phúc Chu thực hiện.

Chính sách hộ trì, phát triển Phật giáo của các chúa Nguyễn, bắt đầu từ chúa Tiên Nguyễn Hoàng, đã đạt được những thành tựu rực rỡ và viên mãn dưới thời kỳ trị vì của chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725).

Hai sự kiện Phật giáo tiêu biểu mà chúa Nguyễn Phúc Chu đã thực hiện: thứ nhất, ông đã mời được vị cao tăng Trung Quốc thuộc phái Tào Động sang Thuận Hóa hoàng dương Phật pháp, mở giới đàn và truyền giới cho hơn 4000 giới tử; hai là, năm 1695, cả hoàng gia nội phủ đều quy y Phật giáo và năm 1714 cho làm lại chùa Thiên Mục, đúc đại hồng chung, dựng bia đá. Bản thân chúa cũng thọ giới Bồ Tát và được ban pháp danh là Hưng Long, đạo hiệu là Thiên Túng đạo nhân. Ông còn cho người sang Trung Quốc mua Kinh Phật, thỉnh pháp khí về. Sách Đại Nam thực lục có chép: "...sai người sang nước Thanh mua kinh Đại tạng cùng luật và luận hơn nghìn bộ để ở tự viện..." [5, tr. 130]. Chúa còn ban biển ngạch (sắc tứ), câu đối, hoành phi cho nhiều chùa lớn do các thiền sư Trung Quốc sáng lập nên, cũng như những ngôi chùa do người dân lập nên. Dưới thời của ông cũng xuất hiện một chi phái Lâm Tế mới mang màu sắc Việt, do chính một vị thiền sư người Việt - Thiền sư Thiệt Diệu - Liễu Quán sáng lập, thiền phái Liễu Quán.

Tóm lại, chính sách phát triển Phật giáo để trị quốc an dân từ chúa Tiên Nguyễn Hoàng cho đến các đời chúa sau này, đặc biệt đến thời chúa Nguyễn Phúc Chu, bao gồm:

- Trùng tu, sửa sang, xây dựng hàng loạt chùa chiền khắp các tỉnh thuộc Đàng Trong. Như nhận xét của giáo sĩ phương Tây Christophoro Boris: "Xứ Đàng Trong có rất nhiều chùa đẹp với tháp cao và lầu chuông. Mỗi địa điểm dù nhỏ đến đâu cũng có đền chùa thờ cúng Phật" [1, tr. 118].

- Thỉnh mời các cao tăng Trung Quốc sang Đàng Trong hoàng pháp; thỉnh tượng Phật, pháp khí và mua nhiều kinh sách từ Trung Quốc để phục vụ cho việc thờ cúng, truyền bá Phật

pháp. Điều này tạo điều kiện cho sự du nhập nhiều tông phái Phật giáo mới như Lâm Tế, Tào Động và sự ra đời của thiên phái mang đậm nét bản sắc Việt - phái Liễu Quán.

- Coi trọng tăng sư, đồng thời quan tâm chấn chỉnh Phật giáo. Đây là một trong những chính sách ưu ái của các chúa Nguyễn đối với Phật giáo. Các chúa thậm chí còn vời các vị cao tăng tài cao đức trọng để tham vấn về chính sự. Chú trọng đến hoạt động hoằng pháp, như mở giới đàn, qua đó chấn hưng Phật giáo, lọc bỏ những phần tử trụy lạc.

Có thể nói, dưới thời các chúa Nguyễn Phật giáo Đàng Trong đã phát triển một cách nhanh chóng và rộng khắp. Huế trở thành một trung tâm Phật giáo lớn với nhiều thiên phái còn lưu truyền mãi cho đến ngày nay.

### 2.3. Ảnh hưởng của Phật giáo đối với các chúa Nguyễn

Nếu chúa Tiên Nguyễn Hoàng ủng hộ Phật giáo xuất phát từ mục đích chính trị, nhằm vỗ về dân chúng, thu phục nhân tâm, thì qua các đời chúa tiếp theo và đặc biệt là chúa Nguyễn Phúc Chu, sự hộ trì Phật pháp không chỉ là yêu cầu chính trị, mà còn xuất phát từ tư tưởng và tâm hồn của một phật tử mộ đạo. Phật giáo lúc này đã có ảnh hưởng không nhỏ đến tư tưởng và qua đó đến đường lối, chính sách chính trị của các chúa.

Sử sách còn ghi chép lại mối lương duyên giữa chúa Nguyễn Phúc Chu và Hòa thượng Thạch Liêm. Chúa Nguyễn đối với Hòa thượng Thạch Liêm rất đối kính trọng, tôn kính và dốc lòng học hỏi, còn về phía Hòa thượng cũng luôn có lòng thành và kính nể chúa. Giữa hai người thường xuyên có những cuộc đàm đạo không chỉ về Phật pháp, về tăng đoàn, mà còn những vấn đề liên quan đến việc trị nước. Những lời trong bài Tựa cho Hải ngoại ký sự của chúa Nguyễn Phúc Chu: "Ngoài chuyện ngày đêm giảng dạy đạo lý, còn chỉ bảo cương kỷ luân thường. Từ chuyện to đến chuyện nhỏ đều vạch lối chỉ đường, phân tích rõ ràng mạch lạc, khác nào dẫn dắt người từ nơi tối tăm ra nơi ánh sáng, giúp ích cho ta trong công việc chính cương trị nước biết chừng nào" [6, tr. 10], cho thấy ảnh hưởng của lão Hòa thượng đến chúa như thế nào. Qua những lần đàm đạo đó, Hòa thượng Thạch Liêm đã đưa ra những chỉ vẽ, đề nghị liên quan đến những việc trị quốc. Và điều thật sự có ý nghĩa là chúa Nguyễn đã thực hiện theo những lời khuyên đó.

Về tư tưởng của Hòa thượng Thạch Liêm, tác giả Nguyễn Lang tóm tắt: "Tư tưởng thiền học của Thạch Liêm có thể diễn tả bằng ba công thức: thiền tịnh song tu; Nho Phật nhất trí và Lâm Tào tổng hợp" [2, tr. 232]. Các chúa Nguyễn khi hộ trì Phật giáo, dựa vào Phật giáo để an dân, thì điều đó cũng không có nghĩa là xem nhẹ, phủ nhận Nho giáo. Trái lại, các chúa Nguyễn đều hiểu rất rõ vai trò của Nho giáo trong việc tổ chức chính quyền phong kiến chuyên chế và xây dựng bộ máy quan lại. Vì thế, dưới thời các chúa Nguyễn vẫn thường xuyên tổ chức các kỳ thi để tuyển chọn quan lại, quan tâm đến việc đào tạo nhân tài. Có lẽ chúa Nguyễn Phúc Chu đã tìm thấy sự tương đồng giữa tư tưởng thiền của Hòa thượng Thạch Liêm với chủ trương kết hợp Nho - Phật của các tiên vương chúa Nguyễn để hình thành nên tư tưởng "cư Nho mộ Thích" của mình. Trên bia chùa Thiên Mục lập năm 1715, chúa Nguyễn Phúc Chu có đoạn:

“Sống theo đạo Nho, chuộng đạo Phật vì chính trị không thể chẳng làm nhân, tin đạo kính thầy, lấy nhân quả là nghĩ gieo điều phước. Nhờ vậy, biên giới được thanh bình, thâm tâm an ổn” [8, tr. 78].

Tư tưởng này rất giống với tư tưởng "cư trần lạc đạo" của Phật Hoàng Trần Nhân Tông. Điều đó cho thấy, trong quá trình độ trì, phát triển Phật giáo ở Đàng Trong, dù có sự hoằng dương Phật pháp của những dòng Thiền mới có nguồn gốc từ Trung Quốc (như phái Lâm Tế của Tổ Nguyên Thiệu, phái Tào Động của Hòa thượng Thạch Liêm), các chúa Nguyễn vẫn tiếp nối mạch nguồn của Phật giáo dân tộc có từ thời Lý-Trần. Đó là xu hướng dần thân nhập thế tích cực. Phật giáo đồng hành với sự phát triển của dân tộc, gắn liền với hạnh phúc của người dân và lợi ích của dân tộc. Thật thú vị khi thấy sự tương đồng giữa thời đại của Phật Hoàng Trần Nhân Tông với thời đại của chúa Nguyễn Phúc Chu: sự ra đời của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và thiền phái Liễu Quán - hai thiền phái do chính người Việt Nam sáng lập, mang đậm nét sắc thái Việt, trên cơ sở thân hóa và sáng tạo nhiều dòng thiền từ bên ngoài.

Sự tương đồng này còn thể hiện trong công cuộc mở mang bờ cõi về phương Nam của dân tộc ta. Dưới thời vua Trần Nhân Tông đất nước có thêm 2 châu: Châu Ô và Châu Lý bằng con đường hòa bình, hữu hảo, với tư cách là quà sinh lễ qua cuộc hôn nhân giữa công chúa Huyền Trân và vua Chăm Chế Mân. Dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu, công cuộc Nam tiến của các chúa Nguyễn cũng đạt được những thành tựu to lớn. Nếu từ thời chúa Tiên Nguyễn Hoàng đến chúa Nghĩa Nguyễn Phúc Trăn, Đàng Trong có thêm vùng đất từ đèo Cù Mông đến sông Phan Rang (giữa Ninh Thuận ngày nay), thì trong khoảng thời gian 34 năm cầm quyền, chúa Nguyễn Phúc Chu đã mở rộng lãnh thổ đến Bình Thuận (1693), sau đó là tiến tới miền Đông Nam bộ (thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai ngày nay) (1698) và trấn Hà Tiên do Mạc Cửu tự dâng, xin sáp nhập vào Đàng Trong (1708). Điều đáng nói ở đây, công cuộc mở mang một vùng đất rộng lớn như vậy, nhưng chúa Nguyễn lại ít sử dụng bạo lực, "chủ yếu dùng biện pháp di dân khai hoang lập ấp và các hoạt động ngoại giao mà không phải tiến hành cuộc chiến tranh quy mô quân sự nên hầu như không có những cuộc tàn sát, đốt phá đối với người dân bản địa" [4, tr 415]. Trên vùng đất này, những người Việt di cư từ phía Bắc chung sống hòa hòa với những cộng đồng dân cư bản địa và cộng đồng người Hoa do biến động thời cuộc triều Minh - Thanh sang lánh nạn. Phải chăng chính tư tưởng bao dung, độ lượng của Phật giáo trong chính sách cai trị của chúa Nguyễn Phúc Chu đã tạo ra khả năng dung nạp văn hóa rộng mở và tự nhiên đến như vậy?

### **3. KẾT LUẬN**

Với ý đồ xây dựng một cơ nghiệp riêng cho dòng họ Nguyễn trên vùng đất mới, chúa Tiên Nguyễn Hoàng đã chọn Phật giáo làm nền tảng tinh thần cho xã hội Đàng Trong. Các chúa Nguyễn sau này đã tiếp tục chính sách tôn giáo đó với cả cả tinh thần mộ đạo Phật của mình. Để hộ trì, phát triển Phật giáo, các chúa đã tích cực thực hiện rất nhiều biện pháp: trùng tu, xây dựng chùa chiền; thỉnh mời các cao tăng Trung Quốc hoằng dương Phật pháp, tổ chức nhiều

giới đàn và thọ giới cho nhiều tăng sư; thỉnh pháp khí và mua nhiều kinh sách; thanh lọc và phát triển tăng đoàn. Dưới sự ủng hộ của các chúa, Phật giáo Đàng Trong đã có bước phát triển mạnh mẽ và đã có tác động tích cực trở lại đối với chính sách cai trị của các chúa. Phật giáo trở thành một trong những tiền đề quan trọng để các chúa Nguyễn an dân, trị quốc, xây dựng một xã hội Đàng Trong ổn định, kinh tế phát triển và thực hiện thành công công cuộc mở mang bờ cõi về phía Nam.

Dưới thời các chúa Nguyễn, Huế trở thành trung tâm của Phật giáo Đàng Trong. Sự phát triển của Phật giáo ở Huế một mặt là sự thâm hóa tinh hoa của nhiều tư tưởng thiền Trung Quốc, mặt khác là sự tiếp nối mạch nguồn tư tưởng Phật giáo của dân tộc để sáng tạo nên sắc thái Việt riêng của mình. Điều này đã tạo cho Phật giáo ở Huế có được những cơ sở thờ tự, chùa chiền tốt, cùng sự tồn tại của nhiều thiền phái, với tăng đoàn có trình độ cao, cư sĩ tín đồ đông đảo. Công lao đó một phần quan trọng thuộc về các chúa Nguyễn.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Christophoro Boris (1998), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Hồng Nhuệ, Nguyễn Khắc Xuyên, Nguyễn Nghị dịch, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2]. Li Tana (1999), *Xứ Đàng Trong*, Nguyễn Nghị dịch, Nhà xuất bản Trẻ.
- [3]. Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Tập II, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
- [4]. Nguyễn Hữu Nguyên (2011), Ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo trong công cuộc mở đất phương Nam thời chúa Nguyễn Phúc Chu, *Kỷ yếu Hội thảo Chúa-Bồ tát Nguyễn Phúc Chu và sự nghiệp mở mang bờ cõi, phát triển đất nước*, tr 412-416.
- [5]. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập I, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- [6]. Thích Đại Sán (1963), *Hải ngoại ký sự*, Viện Đại học Huế, Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam xuất bản, Huế.
- [7]. Nguyễn Khắc Thuần (2001), *Đại cương lịch sử văn hóa Việt Nam*, tập II, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- [8]. Thích Giới Hương (1994) (dịch), *Văn bia chùa Huế*, Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

## BUDDHISM IN HUE UNDER NGUYEN LORDS PERIOD

**Le Binh Phuong Luan**

*Department of Philosophy, Hue University of Sciences*

*Email: lbpluan@gmail.com*

### **ABSTRACT**

*Nguyen Hoang made Buddhism the spiritual foundation in Dang Trong to win people's hearts. Under the reign of Nguyen Lords, Buddhism was gradually flourished that also impacted again the policy rules of the Lords. Buddhist perspective became one of the important prerequisites for the Lords to rule the country, to reassure the population and to successfully implement territorial expansion. Under the Nguyen Lords period, Hue became an important Buddhist Center for Dang Trong and for the whole country , with a high density pagodas, high-qualified Buddhist Sangha and a large number of lay followers.*

**Keywords:** *Nguyen lord, Dang Trong, Buddhism in Hue.*